TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 208/2025/DS-PT
Ngày 22/4/2025
"V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chế Linh

Các Thẩm phán: Ông Võ Bảo Anh

Ông Trần Tuấn Quốc

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Phong Lan là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Trần Thanh Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 04 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 664/2024/TLPT-DS ngày 30 tháng 12 năm 2024 về việc "*Tranh chấp quyền sử dụng đất*"

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 89/2024/DS-ST ngày 16 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 28/2025/QĐ-PT ngày 05 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn Bé B, sinh năm 1958.

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Trần Hùng D của Công ty L3 thuộc Đoàn luật sư thành phố C.

Địa chỉ: Số B Trung tâm Thương mại V, thị trấn V, huyện V, thành phố Cần Thơ.

- *Bị đơn:*

1. Ông Nguyễn Văn B1, sinh năm 1948.

Địa chỉ: F, khóm B, phường C, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bà Tống Thị K, sinh năm 1957.

Địa chỉ: Khu V, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

Đại diện ủy quyền cho ông B1, bà K: Bà Nguyễn Thị Cẩm T, sinh năm 1990; Địa chỉ: B N, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ. (*Theo Giấy ủy quyền ngày 29/10/2024*)

Đại diện ủy quyền cho ông B1, bà K: Ông Nguyễn Tùng L, sinh năm 1968; Địa chỉ: Ấp T, xã T, H C, thành phố Cần Thơ. (*Theo Giấy ủy quyền ngày 01/4/2025*) (Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn ông Nguyễn Văn B1: Bà Mai Trúc P – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước thành phố C.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Văn Bé B2, sinh năm 1953; Địa chỉ: Khu V T, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

2. Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1973; Địa chỉ: Khu V T, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

- *Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn B1 và bà Tống Thị K là bị đơn.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 22/01/2024, đơn khởi kiện bổ sung, bản tự khai, biên bản hòa giải, phía nguyên đơn trình bày như sau:*

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn Bé B (tên thường gọi là Nguyễn Văn N) là chủ sử dụng thửa đất số 123, tờ bản đồ số 05, diện tích 473m^2 loại đất ODT, hiện thửa đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nguyên đơn đang đứng tên trên Sổ mục kê, đất tọa lạc tại khu vực T, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ. Nguồn gốc đất được nhận thừa kế từ cha mẹ cho từ trước năm 1990. Tiếp giáp thửa đất 123 là thửa đất 124, tờ bản đồ số 05 của anh ruột ông B1 B là ông Nguyễn Văn B1 và vợ bà Tống Thị K. Trong quá trình sử dụng bị đơn ông B1, bà K tự ý xây dựng hàng rào bao chiếm qua thửa đất 123 với diện tích khoản trên 100m^2 loại đất ODT, sự việc đã được chính quyền địa phương hòa giải ngày 18/01/2024 nhưng không thành. Nay nguyên đơn ông Nguyễn Văn Bé B yêu cầu bị đơn ông B1, bà K có trách nhiệm trả lại diện tích đất tranh chấp thuộc thửa 123 qua đo đạc thực tế là 208.7m^2 loại đất ODT, ký hiệu A, C tại bản trích đo địa chính số 821/VPĐKĐĐ ngày 01/10/2024 *(diện tích 20.5m^2 đường giao thông không yêu cầu, ký hiệu B)* và yêu cầu bị đơn tháo dỡ di dời tài sản trên đất theo biên bản xem xét thẩm định tại chổ ngày 13/5/2024 để giao trả đất lại cho ông Nguyễn Văn Bé B quản lý sử dụng.

** Phía bị đơn trình bày:*

Bị đơn ông Nguyễn Văn B1, bà Tống Thị K là anh ruột, chị dâu của nguyên đơn ông Bé B, con ruột của ông Nguyễn Văn Đ, bà Lê Thị A, sinh thời lúc cha mẹ còn sống có tạo lập khối tài sản là quyền sử dụng đất tại ấp T, phường T, huyện T, tỉnh Hậu Giang nay là khu vực T, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ. Từ trước năm 1975 cha mẹ đã tặng cho bị đơn ông B1, bà K toàn bộ khu đất để làm nhà ở nuôi nấn con cái gồm thửa đất 124, phần đất rạch do Nhà nước mở trước năm 1975 cho các hộ dân để có nước sinh hoạt và phần đất bãi bồi cặp ven sông

H, từ năm 1975 đến nay bị đơn đã sử dụng ổn định, liên tục, công khai không phát sinh tranh chấp, đến năm 2008 bị đơn đi kê khai đăng ký và được Ủy ban nhân dân huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL542351 ngày 10/4/2008, thửa đất 124, tờ bản đồ số 05 diện tích 455m^2 (300m^2 ODT và 155m^2 CLN) đất tọa lạc tại khu vực T, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ. Đối với phần đất cặp rạch bị đơn đã sử dụng từ trước năm 1975 có bồi đắp, tôn tạo nên bằng phẳng như hôm nay trên đất có trồng cây ăn trái, cất mái che, xây miếu thờ …, nhưng chưa đi đăng ký kê khai xác lập quyền sử dụng đất.

Ngoài ra, nguyên đơn cho rằng có tên gọi khác là Nguyễn Văn N, bị đơn không thống nhất, nguyên đơn đã mạo nhận tên của người khác. Thực tế trước đây ông N có phần đất tiếp giáp thửa đất của bị đơn nhưng sau đó ông N đã bỏ địa phương đi không rõ đã đi đâu và từ khi cha mẹ qua đời nguyên đơn ông Bé B cũng bỏ địa phương và chuyển đi nơi khác sinh sống từ trước năm 1990 cho đến nay.

Nay nguyên đơn ông Nguyễn Văn Bé B yêu cầu bị đơn giao trả lại diện tích đất tranh chấp thuộc thửa 123 qua đo đạc thực tế 208.7m^2 loại đất ODT, ký hiệu A, C bản trích đo địa chính số 821/VPĐKĐĐ ngày 01/10/2024 và yêu cầu bị đơn tháo dỡ di dời tài sản trên đất theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 13/5/2024 để giao trả đất lại cho nguyên đơn sử dụng thì bị đơn không đồng ý. Bị đơn có yêu cầu phản tố được công nhận diện tích đất tranh chấp 208.7m^2 (*đã trừ 20.5m^2 đường giao thông, ký hiệu B*) loại đất ODT, thuộc một phần thửa đất 123, ký hiệu A, C tại bản trích đo địa chính số 821/VPĐKĐĐ ngày 01/10/2024 của Văn phòng đăng ký đất đai – Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố C.

Tại các biên bản hòa giải nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, khởi kiện bổ sung được công nhận diện tích đất tranh chấp ký hiệu A, tại bản trích đo địa chính số 337/VPĐKĐĐ nay là bản trích đo 821/VPĐKĐĐ, ký hiệu A, C. Bị đơn có yêu cầu phản tố, phản tố bổ sung yêu cầu công nhận diện tích đất ký hiệu A, tại bản trích đo địa chính số 337/VPĐKĐĐ, hiện có ký hiệu A, C bản trích đo địa chính số 821/VPĐKĐĐ. Các bên đều thống nhất không yêu cầu diện tích 20.5m^2 hiện là đường giao thông vào diện tích đất yêu cầu được công nhận. Đồng thời nguyên đơn thừa nhận bị đơn có bồi đắp trên diện tích đất tranh chấp nhưng không nhiều khoản 01 ghe chèo, còn bị đơn cho rằng có bồi đắp nhiều lần nhưng đã lâu không rõ bao nhiêu và cũng không có giấy tờ gì chứng minh, chỉ có những người hàng xóm biết có bồi đắp.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn Bé B2, tại biên bản lấy lời khai, ông B2 trình bày:* nguyên đơn ông Bé B (tên thường gọi là N) là em ruột, bị đơn ông B1 (tên thường gọi là Bé L1, Bé H1) là anh ruột của ông Bé

B2, phần đất tranh chấp giữa các bên có nguồn gốc của điền chủ, cha mẹ làm công cho điền chủ và được điền chủ cho đất sử dụng sau đó cha mẹ chia cho các con. Theo ông được biết phần đất cha mẹ cho ông Bé B từ đường lộ giao thông trở xuống rạch và ông B1 từ lộ giao thông trở lên, lộ giao thông trước kia nằm phía trong hàng rào nhà của ông B1 cách lộ giao thông hiện tại khoảng 6m. Đối với tài sản của ông Bé B2 theo biên bản xem xét thẩm định tại chổ, định giá tài sản có một trại ghe cột gổ, mái tol, diện tích 18m^2, ông tự nguyện tháo dỡ trả lại đất cho bên được công nhận quyền sử dụng đất. Ngoài ra, ông không có ý kiến và yêu cầu gì khác. Ông Nguyễn Văn Bé B2 yêu cầu được vắng mặt khi Tòa án mời giải quyết vụ án.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Thanh H, tại biên bản lấy lời khai, ông H trình bày:* ông H là cháu ruột của ông B1 gọi là bác và gọi ông Bé B là chú. Phần đất ký hiệu B tại bản trích đo địa chính số 337/VPĐKĐĐ do ông Bé B cho để cất nhà ở, còn phần đất trống hiện tại trước đây ông Bé B cất nhà lá cột tre để ở, sau đó ông chuyển đi nơi khác sinh sống, thấy đất trống nên làm chuồng nuôi gà và trại ghe tạm sử dụng. Trường hợp Tòa án giải quyết công nhận đất tranh chấp cho bên nào thì ông tự nguyện tháo dỡ di dời. Ngoài ra, ông không có ý kiến và yêu cầu gì khác. Ông Nguyễn Thanh H yêu cầu vắng mặt tại các lần Tòa mời tham gia tố tụng và xét xử vụ án.

Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, bị đơn có đơn yêu cầu thu thập chứng cứ ghi lời khai những người làm chứng tại địa phương gồm: bà Nguyễn Thị Đ1, bà Nguyễn Thị Ú, ông Nguyễn Văn Bé B2, ông Ngô Văn L2, bà Trần Thị Đ2, bà Nguyễn Kim T1, bà Cao Thị Ư, bà Trần Thị C, ông Đoàn Thanh H2. Tòa án đã tiến hành lập biên bản lấy lời khai của những người làm chứng hoặc bản tự khai có chứng thực của Văn phòng công chứng.

Qua yêu cầu của các bên đương sự Tòa án tiến hành thành lập Hội đồng xem xét, thẩm định tại chổ và định giá tài sản tranh chấp vào ngày 13/5/2024.

- Tại bản án dân sự sơ thẩm số 89/2024/DS-ST ngày 16 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt đã tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Bé B;

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Nguyễn Văn B1, bà Tống Thị K.

Công nhận ông Nguyễn Văn Bé B được quyền quản lý sử dụng phần diện tích đất ký hiệu C, loại đất ODT, thuộc thửa đất 123, theo bản trích đo địa chính số 821/VPĐKĐĐ ngày 01/10/2024 của Văn phòng đăng ký đất đai – Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố C đo vẽ.

Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn B1, bà Tống Thị K có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn B1 Bảy giá trị đất theo giá thị trường đối với phần diện tích đất ký hiệu A, loại đất ODT, thuộc thửa đất 123, theo bản trích đo địa chính số 821/VPĐKĐĐ ngày 01/10/2024 của Văn phòng đăng ký đất đai – Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố C đo vẽ với số tiền 141.330.000 đồng *(một trăm bốn mươi mốt triệu ba trăm ba mươi ngàn đồng).*

Công nhận bị đơn ông Nguyễn Văn B3, bà Tống Thị K được quyền quản lý, sử dụng phần diện tích đất ký hiệu A, loại đất ODT, thuộc thửa đất 123, theo bản trích đo địa chính số 821/VPĐKĐĐ ngày 01/10/2024 của Văn phòng đăng ký đất đai – Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố C đo vẽ.

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn Bé B; bị đơn ông Nguyễn Văn B1, bà Tống Thị K được quyền liên hệ Cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xin đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Bản trích đo địa chính số 821/VPĐKĐĐ ngày 01 tháng 10 năm 2024 của Văn phòng đăng ký đất đai - Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố C và thực hiện nghĩa vụ tài chính (*nếu có*) đối với phần đất được quyền sử dụng nêu trên theo quy định.

Ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn, người có quyền lợi nghĩa nghĩa vụ liên quan tháo dỡ di dời tài sản được ghi nhận tại biên bản xem xét thẩm định tại chổ ngày 13/5/2024 để giao trả lại đất cho nguyên đơn sử dụng, nguyên đơn không phải trả giá trị tài sản và chi phí di dời tài sản. Trường hợp các đương sự không tự nguyên thực hiện có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự theo thẩm quyền giải quyết.

Tách yêu cầu của bị đơn về việc trả công sức bồi đắp ra giải quyết thành vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên bị thi hành án chậm trả cho bên được thi hành án số tiền trên thì bên phải thi hành án còn phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định pháp luật tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về chi phí tố tụng và án phí dân sự sơ thẩm:

- Về chi phí xem xét thẩm định tại chổ và định giá tài sản: Bị đơn ông Nguyễn Văn B1, bà Tống Thị K phải nộp 8.200.000đồng. Nguyên đơn đã tạm nộp trước nên bị đơn có trách nhiệm nộp trả lại nguyên đơn.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: bị đơn ông Nguyễn Văn B1, bà Tống Thị K được miễn án phí do là người cao tuổi theo điểm đ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo của các bên theo luật định.

Tại đơn kháng cáo đề ngày 29/10/2024 yêu cầu tòa án cấp phúc thẩm xem xét xử án sơ thẩm, bác khởi kiện của nguyên đơn chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn, nếu cấp phúc thẩm xem xét giữ nguyên bản án sơ thẩm thì đề nghị cấp phúc thẩm xem xét hoàn trả giá trị công sức đóng góp làm tăng giá trị đất.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các bên không thoả thuận được việc giải quyết vụ án.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho rằng: Toà án cấp sơ thẩm đã tiến hành thu thập các chứng cứ một cách vững chắc, xác định quyền sử dụng đất của nguyên đơn là có căn cứ. Nguyên đơn thống nhất bản án sơ thẩm, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Trợ giúp viên pháp lý bảo vệ quyền lợi cho ông B1 cho rằng: sổ mục kê của nguyên đơn không phải là giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định nên nguyên đơn không có quyền sử dụng đất, không có quyền đòi lại đất. Bị đơn sử dụng đất ổn định trên 30 năm nên đủ điều kiện công nhận quyền sử dụng đất. Do vậy, đề nghị Toà án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tại phiên tòa: Người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, sau khi phân tích các tình tiết của vụ án, các quy định pháp luật liên quan, đại diện Viện kiểm sát cho rằng bản án sơ thẩm đã xét xử là đúng pháp luật. Bị đơn kháng cáo nhưng không có chứng cứ mới nên đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Theo đơn khởi kiện và các chứng cứ đã thẩm tra cho thấy các bên tranh chấp quyền sử dụng đất. Toà án nhân dân quận Thốt Nốt đã thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền và xác định đúng quan hệ tranh chấp theo quy định tại khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Nguyên đơn khởi kiện với chứng cứ là việc đứng tên trên sổ mục kê lập năm 1990. Theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật đất đai năm 2013, hướng dẫn quy định tại điểm g khoản 1 Điều 100 Luật đất đai năm 2013 thì chỉ sổ mục kê được lập trước ngày 18/12/1980 mới được xem là một trong các giấy tờ về quyền sử dụng đất. Như vậy, chỉ với chứng cứ đó thì nguyên đơn bị xem là không có giấy tờ về đất đai.

[3] Theo các lời khai của các đương sự và kết quả xác minh của Toà án cấp sơ thẩm cho thấy, trước năm 1990 nguyên đơn có sử dụng thửa đất số 123. Sau đó, nguyên đơn đã bỏ đi nơi khác. Do vậy, hiện tại nguyên đơn không phải là người trực tiếp sử dụng đất.

[4] Từ các nhận định trên cho thấy, nguyên đơn không có một trong các loại giấy tờ về đất đai và hiện tại cũng không phải là người trực tiếp sử dụng đất nên không đủ điều kiện công nhận quyền sử dụng đất và đương nhiên là không có quyền buộc người khác giao trả quyền sử dụng đất. Toà án cấp sơ thẩm buộc bị đơn giao trả và hoàn trả giá trị quyền sử dụng đất là không đúng các quy định nêu trên. Kháng cáo của bị đơn về vấn đề này là có căn cứ để chấp nhận.

[5] Theo kết quả thẩm định tại chỗ, thửa 123 bao gồm các phần đất ký hiệu là A, B, C, D. Phần D do ông H sử dụng, các bên không tranh chấp. Các bên tranh chấp phần A, C. Sau khi nguyên đơn bỏ trống đất từ năm 1990 thì bị đơn là người trực tiếp sử dụng đất. Việc sử dụng đất của bị đơn cho đến trước khi nguyên đơn khởi kiện là quá trình sử dụng lâu dài, không tranh chấp nên đủ điều kiện công nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 2 Điều 101 Luật đất đai năm 2013. Do vậy, kháng cáo của bị đơn là có căn cứ chấp nhận. Trong phạm vi đơn phản tố, Toà án công nhận bị đơn được quyền sử dụng các phần đất A, C.

[6] Về án phí: nguyên đơn là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm và dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Sửa bản án sơ thẩm.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất tại vị trí A (67,3 m^2) và vị trí C (141,4 m^2), thuộc thửa 123 (SMK), tờ bản đồ số 05, tại phường T, quận T, thành phố Cần Thơ theo Bản trích đo địa chính số 821/VPĐKĐĐ ngày 01/10/2024 của Văn phòng đăng ký đất đai – Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố C.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn:

Công nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn B1 và bà Tống Thị K tại vị trí A (67,3 m^2) và vị trí C (141,4 m^2), thuộc thửa 123 (SMK), tờ bản đồ số 05, tại phường T, quận T, thành phố Cần Thơ theo Bản trích đo địa chính số 821/VPĐKĐĐ ngày 01/10/2024 của Văn phòng đăng ký đất đai - Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố C

Ông B1, bà K được quyền đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

3. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Văn Bé B2 về việc tháo dỡ, di dời trại ghe (diện tích 18 m^2, cột gỗ, mái tole) để trả lại quyền sử dụng đất cho ông B1, bà K.

4. Chi phí thẩm định, định giá: nguyên đơn chịu 8.200.000 đồng, đã nộp xong.

5. Nguyên đơn được miễn án phí dân sự sơ thẩm và dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND.TPCT;
- TAND Q Thốt Nốt;
- THADS Q Thốt Nốt;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Chế Linh